

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỜ ĐỎ
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 19-6-2023

“V/v tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỜ ĐỎ THÀNH PHỐ CẦN THƠ
- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Khoa

Các Hội Thẩm nhân dân: 1/ Ông Lương Hùng Dũng

2/ Ông Trần Thanh Vũ

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Mỹ Yên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

Trong ngày ngày 19 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 57/2023/TLST-HNGĐ, ngày 12 tháng 4 năm 2023 về tranh chấp: “Xin ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 136/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 15 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lý Thị D, sinh năm 1987 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, thành phố Cần Thơ.

Bị đơn: Anh Trương Quốc B, sinh năm 1989 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn chị Lý Thị D trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị D và anh B tự tìm hiểu và quen biết nhau, sau thời gian quen biết cả 02 thống nhất tiến tới hôn nhân vào năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, thành phố Cần Thơ vào năm 2020. Cuộc sống hôn nhân của vợ chồng hạnh phúc trong thời gian đầu, sau đó thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng cãi nhau thường xuyên nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Kể từ tháng 5/2022 thì vợ chồng không còn chung sống với nhau nữa. Nay chị D không còn tình cảm gì với anh B nên đề nghị Tòa án xem xét cho ly hôn với anh Trương Quốc B.

- Về nuôi con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung tên Trương Thị Ngọc H, sinh ngày 19/12/2019. Hiện tại con đang sống với anh B chị D

đồng ý giao con chung cho anh B tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, chị D không cấp dưỡng nuôi con.

- Về chia tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về nghĩa vụ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

2. Bị đơn anh Trương Quốc B qua bản tự khai, biên bản hòa giải trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Thông qua công việc làm ăn thì anh B với chị Lý Thị D quen biết nhau, sau khi tìm hiểu cả 02 thống nhất tiến tới hôn nhân vào năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, thành phố Cần Thơ vào năm 2020. Cuộc sống hôn nhân của vợ chồng hạnh phúc trong thời gian đầu, sau đó thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng cãi nhau thường xuyên. Nguyên nhân do mâu thuẫn về kinh tế gia đình, làm ăn không thuận lợi, từ đó vợ chồng không có sự cảm thông cho nhau. Kể từ tháng 5/2022 thì vợ chồng không còn chung sống với nhau nữa. Nay chị D đề nghị Tòa án xem xét cho ly hôn thì anh B yêu cầu Tòa án xem xét cho thời gian suy nghĩ để hàn gắn tình cảm vợ chồng cùng nhau nuôi dạy con nên người.

- Về nuôi con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung tên Trương Thị Ngọc H, sinh ngày 19/12/2019. Hiện tại con đang sống với anh B trường hợp chị D kiên quyết ly hôn thì anh B yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng con chung đến trưởng thành, không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con.

- Về chia tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về nghĩa vụ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về Tố tụng:

[1.1] Chị Lý Thị D khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Trương Quốc B, xét đây là tranh chấp dân sự thuộc lĩnh vực pháp luật hôn nhân gia đình, bị đơn cư trú ở địa bàn huyện C, thành phố Cần Thơ, nên thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ, theo quy định tại Điều 28, Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Anh Trương Quốc B là bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt anh B.

[2] Xét về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Lý Thị D và anh Trương Quốc B có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, nên quan hệ hôn nhân này là hợp pháp, khi phát sinh tranh chấp Tòa án xem xét giải quyết theo thủ tục chung.

[3] Xét nguyên nhân mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân giữa chị D và anh B: Theo trình bày của chị D do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng cãi nhau thường xuyên khiến tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách, mâu thuẫn hôn nhân ngày càng

trầm trọng. Hiện chị D không còn tình cảm với anh B và cũng không liên hệ gì về kinh tế chung, nên đề nghị Tòa xem xét cho ly hôn. Về phía anh Trương Quốc B cho rằng còn thương yêu chị D đề nghị Tòa án xem xét cho đoàn tụ vợ chồng. Xét quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã cho các đương sự thời hạn 30 ngày để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng phía anh B không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị D. Tại Tòa chị D kiên quyết xin ly hôn không đồng ý hàn gắn tình cảm vợ chồng với anh B, chứng tỏ mâu thuẫn hôn nhân giữa chị D và anh B là trầm trọng không thể hàn gắn. Trên cơ sở đó, Tòa án chấp nhận cho chị Lý Thị D được ly hôn với anh Trương Quốc B.

[4] Về nuôi con chung: Xét con chung của chị D và anh B tên Trương Thị Ngọc H, sinh năm 2019, hiện đang được anh B chăm sóc, nuôi dưỡng tốt, đồng thời anh B cũng có nguyện vọng tiếp tục nuôi dưỡng con chung đến tuổi trưởng thành và chị D cũng đồng ý, nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao quyền chăm sóc, nuôi dưỡng con chung cho anh Trương Quốc B.

[5] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị D không cấp dưỡng nuôi con chung, đồng thời anh Trương Quốc B cũng không có yêu cầu Tòa án xem xét buộc chị D cấp dưỡng nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về quyền chăm sóc giáo dục con chung: Dành quyền thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung cho chị D theo quy định của pháp luật, không ai được ngăn cản. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

[7] Về chia tài sản chung: Do đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[8] Về nghĩa vụ chung: Đương sự khai không có, tòa án không xem xét.

[9] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Lý Thị D phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28; Điều 35; Điều 227; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 9; Điều 51; Điều 53; Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 có hiệu lực 01.01.2015;

Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc án phí, lệ phí.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lý Thị D về việc xin ly hôn và nuôi con chung với anh Trương Quốc B.

- Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lý Thị D với anh Trương Quốc B.

- Về nuôi con chung: Giao con chung tên Trương Thị Ngọc H sinh năm 2019, cho anh Trương Quốc B trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Chị Lý Thị D không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Dành quyền thăm nom, chăm sóc giáo dục

con chung cho chị D theo quy định của pháp luật, không ai được quyền ngăn cản. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về chia tài sản chung: Đương sự không yêu cầu, Tòa án không xem xét.
- Về nghĩa vụ chung: Đương sự khai không có, Tòa án không xem xét.

2. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Lý Thị D phải nộp số tiền 300.000 đồng, được khấu trừ tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009862 ngày 12/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ. Chị Lý Thị D đã thực hiện xong.

3. Tuyên án công khai đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hay niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Tóithi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7 và điều 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP Cần Thơ;
- VKSND huyện Cờ Đỏ;
- UBND xã Trung Hưng;
- Chi cục THADS huyện Cờ Đỏ;
- Phòng Tư pháp huyện Cờ Đỏ;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Đăng Khoa